

Bản án số: **34/2018/DS - ST**.

Ngày: 19/07/2018.

“V/v: Tranh chấp Hợp đồng góp hụi”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Khởi.

2. Ông Trần Xuronne.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn— Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu— Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 07 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 95/2018/TLST-DS, ngày 17 tháng 5 năm 2018 về việc “Tranh chấp Hợp đồng góp hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2018/QĐXXST-DS, ngày 19 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2018/QĐST-DS, ngày 10/07/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Quách Thị T; Địa chỉ: ấp S, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Lê Thị L

2.2. Ông Ngô Văn U

Cùng địa chỉ: ấp L, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Quách Thị T trình bày: Bà Quách Thị T là thành viên; Bà Lê Thị L và ông Ngô Văn U làm chủ hụi; bà T có tham gia góp 03 dây hụi mùa (04 tháng).

Bà T đã góp hội sống đến ngày 30/11/2017 thì bà L và ông U úp hội không góp nữa, số tiền bà T đã góp như sau:

Dây 1: Hội 5.000.000 đồng, mở ngày 25/10/2015, có 23 phần, bà T tham gia 01 phần, bà T góp hội sống được 07 phần, với số tiền vốn là 17.500.000 đồng. Hội mãn ngày 25/02/2023.

Dây 2: Hội 5.000.000 đồng, mở ngày 25/10/2015, có 24 phần, bà T tham gia 01 phần, bà T góp hội sống được 07 phần, với số tiền vốn là 17.500.000 đồng. Hội mãn ngày 25/6/2023.

Dây 3: Hội 3.000.000 đồng, mở ngày 25/10/2016, có 25 phần, bà T tham gia 01 phần, bà T góp hội sống được 04 phần, với số tiền vốn là 6.000.000 đồng. Hội mãn ngày 25/02/2024.

Tổng 03 dây hội này bà L và ông U nợ bà T là 41.000.000 đồng tiền vốn.

Nay bà T yêu cầu bà L và ông U hoàn trả cho bà T số tiền hội đã góp còn nợ lại 41.000.000 đồng và trả đủ trong thời gian 01 tháng.

* Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải cùng ngày 08/06/2018 và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Lê Thị L thừa nhận hiện nay còn nợ bà T số tiền vốn gốc là 41.000.000 đồng, nhưng xin trả mỗi vụ lúa (04 tháng) là 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, vì hiện nay gia đình đang gặp khó khăn không có khả năng trả 01 lần cho bà T.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/06/2018, bị đơn ông Ngô Văn U thừa nhận hiện nay vợ chồng ông còn nợ bà T số tiền vốn gốc là 41.000.000 đồng, nhưng xin trả mỗi vụ lúa (04 tháng) là 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, vì hiện nay gia đình đang gặp khó khăn không có khả năng trả 01 lần cho bà T.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa sơ thẩm có ý kiến phát biểu nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng bị đơn Ngô Văn U vắng mặt không lý do; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471 BLDS và Điều 29 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hội, biên, phường; xử buộc bà Lê Thị L và ông Ngô Văn U hoàn trả cho bà T số tiền hội đã góp là 41.000.000 đồng và tại Toà bà T không yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Ngô Văn U là bị đơn trong vụ án không có yêu cầu phản tố đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt ông Ngô Văn U.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Lê Thị L làm chủ hội, bà Quách Thị T là thành viên; bà T có tham gia góp 03 dây hội mùa (04 tháng). Bà T đã góp hội sống đến ngày 30/11/2017 thì bà L úp hội không góp nữa, số tiền bà T đã góp như sau:

Dây 1: Hội 5.000.000 đồng, mở ngày 25/10/2015, có 23 phần, bà T tham gia 01 phần, bà T góp hội sống được 07 phần, với số tiền vốn là 17.500.000 đồng. Hội mãn ngày 25/02/2023.

Dây 2: Hội 5.000.000 đồng, mở ngày 25/10/2015, có 24 phần, bà T tham gia 01 phần, bà T góp hội sống được 07 phần, với số tiền vốn là 17.500.000 đồng. Hội mãn ngày 25/6/2023.

Dây 3: Hội 3.000.000 đồng, mở ngày 25/10/2016, có 25 phần, bà T tham gia 01 phần, bà T góp hội sống được 04 phần, với số tiền vốn là 6.000.000 đồng. Hội mãn ngày 25/02/2024.

Tổng 03 dây hội này bà L nợ bà T là 41.000.000 đồng tiền vốn.

Nay bà T yêu cầu bà L và ông U trả số tiền trên trong thời gian 01 tháng; phía bà L và ông U đồng ý trả cho bà T số tiền hội gốc 41.000.000 đồng, nhưng xin trả mỗi vụ lúa (04 tháng) là 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án; tại biên bản lấy lời khai, hòa giải cùng ngày 08/06/2018 và tại tòa hôm nay, bà L và ông U thừa nhận còn nợ bà T tiền hội đã góp vốn là 41.000.000 đồng. Do đó, có căn cứ khẳng định bà L và ông U còn nợ bà T số tiền hội là 41.000.000 đồng.

[3] Xét về hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng góp hội giữa các bên đương sự nhận thấy: Bà T với bà L và ông U là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, khi giao kết hợp đồng dựa trên cơ sở tự nguyện của các bên, phù hợp với pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

[4] Xét về lỗi: Bà L và ông U là người có lỗi, vì đã vi phạm nghĩa vụ không giao hụi cho bà T, chính việc vi phạm nghĩa vụ của bà L và ông U đã gây thiệt thòi đến quyền lợi của bà T. Do đó, bà L và ông U phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền hụi gốc là 41.000.000 đồng theo quy định tại Điều 471 BLDS và Điều 29 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phượng và tại Toà bà T không yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với yêu cầu của bà L và ông U cho rằng do hoàn cảnh kinh tế của gia đình hiện nay khó khăn, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bà L và ông U trả mỗi vụ lúa (04 tháng) là 2.000.000 đồng đến khi dứt nợ. Xét thấy, yêu cầu này của bà L và ông U không được bà T đồng ý và thuộc thẩm quyền của cơ quan Thi hành án sau này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử buộc bà Lê Thị L và ông Ngô Văn U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.050.000 đồng.

[6] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471 của Bộ luật Dân sự và Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phượng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ như nhận định trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 357, Điều 471 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 29 của Nghị định số:144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phượng;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi bổ sung năm 2014.

* Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thị T. Xử buộc bà Lê Thị L và ông Ngô Văn U có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Quách Thị T số tiền hui vốn là 41.000.000 đồng (Bốn mươi một triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Lê Thị L và ông Ngô Văn U phải chịu là 2.050.000 đồng;

2.2. Bà Quách Thị T không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà Quách Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.025.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0002271 ngày 15/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Ngô Văn U vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các bên đương sự;
- Lưu HSVA.

Hồ Văn Phụng